

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2026
“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nhi - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/3/1991; Nơi cư trú: TDP Ph, xã N, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

Số căn cước công dân: 044191009684

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh ngày 01/01/1988; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: TDP 3 Ph, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện đã xuất cảnh không rõ địa chỉ. Vắng mặt

Số căn cước: 044088001333

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Phạm Văn L sau một thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

Nông Trường V, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 07/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L sống không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Đã nhiều lần gia đình nội ngoại hai bên cố gắng hòa giải cho vợ chồng nhưng không kết quả, cuối năm 2018 anh L bỏ vào Nam làm ăn từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Năm 2021 chị phát hiện anh L có quan hệ với một người phụ nữ khác, tìm cách liên lạc với anh L để giải quyết ly hôn nhưng anh L cố tình lẩn tránh. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Phạm Văn L để sớm ổn định được cuộc sống của bản thân.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung tên là Phạm Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/7/2013 và Phạm Nguyễn Hoàng Gi, sinh ngày 04/8/2015. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn mong muốn được nuôi con không yêu cầu anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Phạm Văn L thông qua người thân anh L là bà Võ Thị Nam- Mẹ đẻ anh L, bà Nam cho biết anh L và chị H đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường V, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L sống chung cùng với bà, quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì kinh tế khó khăn, dù vợ chồng anh L đã trải qua nhiều ngành nghề kinh doanh để tạo thu nhập cho gia đình nhưng do anh L ham chơi, bỏ bê gia đình do đó năm 2018 anh L bỏ đi làm ăn xa, chị H đã đưa các con về sống cùng mẹ ruột ở thị trấn Nông Trường V và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống anh L và chị H có 02 con chung tên là Phạm Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/7/2013 và Phạm Nguyễn Hoàng Gi, sinh ngày 04/8/2015 hiện các cháu đang sống cùng với mẹ. Năm 2019 anh L đi xuất cảnh làm ăn ở nước ngoài, bà không biết được địa chỉ cụ thể của anh L. Tuy nhiên, bà đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh L và đã thông báo cho anh L biết. Anh L không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án và cũng không cung cấp địa chỉ của anh

hiện nay tại nước ngoài.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND Khu vực 1 phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 227, 228, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phạm Văn L; về con chung: Giao 02 con Chung là Phạm Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/7/2013 và Phạm Nguyễn Hoàng Gi, sinh ngày 04/8/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên anh L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 1987/CV-QLXNC, ngày 30/10/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Phạm Văn L đã xuất cảnh ngày 29/7/2019, không thấy thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh L đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ và Nghị Quyết số 01/2024/NQ-

HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Toà án nhân dân Khu vực 1 đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Phạm Văn L qua bà Võ Thị Nam là mẹ của anh L. Bà Nam không cung cấp địa chỉ hiện tại của anh L tại nước ngoài. Tòa án gửi công văn đề nghị ban đối ngoại đài tiếng nói Việt Nam đăng thông tin cho anh L. Đài tiếng nói Việt Nam đã đăng thông tin cho anh L trong 3 ngày liên tiếp từ ngày 10, 11 và 12/12/2025 nhưng anh L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L đăng ký kết hôn ngày 07/12/2012 tại UBND thị trấn Nông Trường V, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị). Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị H hiện vợ chồng mâu thuẫn, không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, sống ly thân từ năm 2018 đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh qua thân nhân của anh L, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Nam (mẹ anh L), đăng thông tin cho anh L trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng anh L không có mặt tại Tòa án theo giấy báo cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”. Do đó, chị H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Nhưng, chị H không còn tình cảm với anh L, vợ chồng sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phạm Văn L.

[2.2] Con chung: Quá trình chung sống chị H và anh L có 02 con chung là Phạm Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/7/2013 và Phạm Nguyễn Hoàng Gi, sinh ngày 04/8/2015. Chị H có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Các cháu L và Gi sống với mẹ từ lúc vợ chồng ly thân, nguyện vọng của các cháu là được ở với mẹ. Anh L hiện đang ở nước ngoài, quá trình giải

quyết vụ án anh không cung cấp lời khai do đó, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần giao cháu L và Gi cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 227, 228, 273, 464, 469, 477, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt chị anh Phạm Văn L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H, xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Phạm Văn L.
3. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung Phạm Nguyễn Gia L, sinh ngày 10/7/2013 và Phạm Nguyễn Hoàng Gi, sinh ngày 04/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và khẳng định có đủ khả năng tự nuôi con một mình.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.
5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000722 ngày 10/10/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
 - THADS tỉnh Quảng Trị;
 - TAND tỉnh Quảng Trị;
 - UBND thị trấn Nông Trường V
(nay là xã N)
- Số GCNKH: 83 ngày 07/12/2012;
- Các đương sự;
 - Công an xã N;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

